

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN

CHỨC DANH: Phó giáo sư

Mã hồ sơ:



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ☒; Nội dung không đúng thì để trống: ☐)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ☒ ; Giảng viên thỉnh giảng ☐

Ngành: Địa lý; Chuyên ngành: Địa lý tự nhiên

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: **NGUYỄN HỮU XUÂN**

2. Ngày tháng năm sinh: 27/09/1973; Nam ☒ ; Nữ ☐ ; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam: ☒

4. Quê quán (xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): Xã Thiệu Vân, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố/thôn, xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): 101/12H Trần Hưng Đạo (3/21 Cao Xuân Dục), phường Hải Cảng, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bru điện): 101/12H Trần Hưng Đạo (3/21 Cao Xuân Dục), phường Hải Cảng, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

Điện thoại nhà riêng:; Điện thoại di động: 0989161119;

E-mail: *nguyenhuuxuan@qnu.edu.vn*

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Thời gian	Công việc, chức vụ, cơ quan
Từ 10/1994 đến 11/1997	Giảng viên Khoa Hóa – Địa, Trường Đại học Sư phạm Quy Nhơn
Từ 12/19947 đến 9/2009	Giảng viên Khoa Địa lí - Địa chính, Trường Đại học Quy Nhơn

Từ 10/2009 đến 06/2019	Giảng viên chính, Phó trưởng khoa, Trưởng khoa Khoa Địa lí - Địa chính, Trường Đại học Quy Nhơn
Từ 07/2019 đến 10/2019	Giảng viên chính, Khoa Khoa học tự nhiên, Trường Đại học Quy Nhơn
Từ 10/2019 đến 12/2021	Giảng viên chính, P. Trưởng phòng Đại tạo sau đại học Trường Đại học Quy Nhơn (sinh hoạt chuyên môn tại Khoa Khoa học tự nhiên).
Từ 01/2021 đến nay	Giảng viên chính, Trưởng phòng Hành chính – Tổng hợp Trường Đại học Quy Nhơn (sinh hoạt chuyên môn tại Khoa Khoa học tự nhiên)

Chức vụ: Hiện nay: Trưởng phòng; Chức vụ cao nhất đã qua: Trưởng khoa

Cơ quan công tác hiện nay: Trường Đại học Quy Nhơn

Địa chỉ cơ quan: 170 An Dương Vương, Tp Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

Điện thoại cơ quan: 0256.3846.156

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có):

8. Đã nghỉ hưu từ thángnăm

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ):

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH ngày 04 tháng 8 năm 1994; số văn bằng: A109196; ngành: Sư phạm Địa lý, chuyên ngành: ...; Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): Trường ĐHSP Hà Nội I

- Được cấp bằng ThS ngày 14 tháng 4 năm 2000; số văn bằng: 14762; ngành: Địa lý; chuyên ngành: Địa lý tự nhiên; Nơi cấp bằng ThS (trường, nước): Trường ĐHSP - ĐH Quốc gia Hà Nội

- Được cấp bằng TS ngày 08 tháng 02 năm 2010; số văn bằng: 06668.; ngành: Địa lý; chuyên ngành: Địa lý tự nhiên; Nơi cấp bằng TS (trường, nước): Trường ĐHSP Hà Nội

- Được cấp bằng TSKH ngày ... tháng ... năm; số văn bằng:; ngành:; chuyên ngành:; Nơi cấp bằng TSKH (trường, nước):

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày tháng năm , ngành:

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh PGS tại HĐGS cơ sở: **Học viện Khoa học và Công nghệ, Viện Hàn lâm KH&CN Việt Nam**

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh **Phó Giáo sư** tại HĐGS ngành, liên ngành: **Khoa học Trái đất - Mỏ.**

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

1) Nghiên cứu cơ bản và ứng dụng về khí hậu và tài nguyên khí hậu; thủy văn và tài nguyên nước, biến đổi khí hậu; Địa chất - địa mạo học.

2) Nghiên cứu về du lịch và Địa lý du lịch.

3) Nghiên cứu quản lý tài nguyên, môi trường; phòng chống thiên tai, quy hoạch, tổ chức lãnh thổ và liên kết vùng... và Ứng dụng công nghệ GIS.

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn (số lượng) NCS bảo vệ thành công luận án TS;
- Đã hướng dẫn 07 HVCH bảo vệ thành công luận văn ThS;
- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên: số lượng 11, cụ thể: 01 đề tài NCKH cấp quốc gia; 05 đề tài cấp Tỉnh, cấp Bộ và 05 đề tài cấp Cơ sở.
- Đã công bố (số lượng) 47 bài báo khoa học, trong đó 09 bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế có uy tín;
- Đã được cấp (số lượng) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích;
- Số lượng sách đã xuất bản **03**. Trong đó: chủ biên biên soạn **01** sách và tham gia biên soạn **02** sách chuyên khảo thuộc nhà xuất bản có uy tín (đã nghiệm thu đưa vào sử dụng phục vụ đào tạo);
- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế:

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

STT	Ngày, tháng, năm cấp	Hình thức và nội dung giải thưởng	Tổ chức đã trao tặng
1	2014	Giấy khen về hướng dẫn SV nghiên cứu khoa học	Bộ Giáo dục và Đào tạo
2	20/9/2017	Giải Ba , Hội thi sáng tạo khoa học và kỹ thuật tỉnh Bình Định lần thứ X (2016-2017).	UBND tỉnh Bình Định (Quyết định số 3466/QĐ-UBND ngày 20/9/2017) của chủ tịch UBND tỉnh Bình Định.
3	2019	Giải nhất , Hội thi sáng tạo khoa học và kỹ thuật tỉnh Bình Định lần thứ XI (2018-2019).	UBND tỉnh Bình Định (Quyết định số 2855/QĐ-UBND ngày 15/8/2019) của chủ tịch UBND tỉnh Bình Định.
4	2022	Trí thức tiêu biểu về KHCN tỉnh Bình Định lần thứ IV (năm 2022)	UBND tỉnh Bình Định (Quyết định số 1383/QĐ-UBND ngày 28/4/2022) của chủ tịch UBND tỉnh Bình Định.

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): Không

[illegible]

1	2016-2017			0	1	394	84	478/502/202,5
2	2017-2018			02	0	346	241	587/684/202,5
3	2018-2019			02	0	328	139	467/568,6/202,5
03 năm học cuối								
4	2019-2020			02	0	200	165	464/557,5/202,5
5	2020-2021			01	0	170	150	410/441/202,5
6	2021-2022			02	0	180	120	362/450/189

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến trước ngày 11/9/2020, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

3. Ngoại ngữ:

3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài: ☐

- Học ĐH ☐ ; Tại nước:; Từ năm đến năm

- Bảo vệ luận văn ThS ☐ hoặc luận án TS ☐ hoặc TSKH ☐ ; tại nước: năm.....

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước: ☐

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: số bằng:; năm cấp:.....

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài: ☐

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ:.....

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước):

d) Đối tượng khác ☐ ; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ): B1

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/CK2/BSNT	Chính	Phụ			
1	Lê Quốc Gia		HVCH	x		11/2017-08/2018	Trường Đại học Quy Nhơn	05/10/2018 QĐ số: 2047/QĐ-ĐHQN ngày 05/10/2018
2	Lục Triệu Diệu Hương		HVCH	x		11/2017-08/2018	Trường Đại học Quy Nhơn	

3	Trương Công Thành		HVCH	x		12/2018-08/2019	Trường Đại học Quy Nhơn	31/10/2019 QĐ số: 3008/QĐ-ĐHQN ngày 31/10/2019
4	Mai Thị Thanh Chung		HVCH	x		12/2018-08/2019	Trường Đại học Quy Nhơn	
5	Nguyễn Thị Thu Phương		HVCH	x		12/2019-08/2020	Trường Đại học Quy Nhơn	13/11/2020 QĐ số: 2692/QĐ-ĐHQN ngày 13/11/2020
6	Cao Thị Bích Ngọc		HVCH	x		12/2019-08/2020	Trường Đại học Quy Nhơn	
7	Phan Ánh Quang		HVCH	x		12/2020-08/2021	Trường Đại học Quy Nhơn	13/11/2020 QĐ số: 2692/QĐ-ĐHQN ngày 13/11/2020

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phản biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDDH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
I	Trước khi được công nhận PGS/TS						
1							
2							
II	Sau khi được công nhận PGS/TS						
1	Thiên tai trên lưu vực sông Ba, sông Kôn trong bối cảnh biến đổi khí hậu	CK	Nhà xuất bản Khoa học tự nhiên và Công nghệ ISBN: 978-604-357-042-7; 2022	01	Chủ biên		Xác nhận sử dụng sách của Viện TNMT - ĐHQG Hà Nội.
2	Chuỗi giá trị thương mại ngành hàng nông sản Việt Nam	CK	Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội ISBN: 978-604-369-407-9; 2021	40		Tham gia viết (Chương 35) Trang 875 - 918	-Xác nhận sử dụng sách của Viện TNMT - ĐHQG Hà Nội. -Xác nhận sử dụng sách của khoa Các Khoa học liên ngành - ĐHQG Hà Nội.
3	Mô hình hóa động lực dòng chảy thủy thạch và ứng dụng cho ven biển cửa sông Miền Trung Việt Nam (từ Quảng Nam đến Phú Yên)	CK	Nhà xuất bản Khoa học Tự nhiên và Công nghệ ISBN: 978-604-9988-69-1; 2021	06		Chương 2 (từ trang 117-158)	-QĐ số 1078/QĐ-HVKHCN ngày 24/6/2022; -Xác nhận sử dụng sách của Viện TNMT - ĐHQG Hà Nội.

Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau PGS/TS:

Lưu ý:

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có)).

- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phản ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
I	Trước khi được công nhận PGS/TS				
1.	Khảo sát xây dựng nội dung thực tập thực địa địa chất - bản đồ tuyến Tây Sơn - Vĩnh Thạnh phục vụ giảng dạy và học tập bộ môn Địa lí.		T02.30.18 Cấp Cơ sở	2002	BB nghiệm thu ngày 15/3/2003 Xếp loại: Tốt
2.	DT: Nghiên cứu tài nguyên Sinh - khí hậu dải ven biển Bình Định phục vụ phát triển du lịch.	CN	T03. 146.09 Cấp cơ sở	2003	BB nghiệm thu ngày 29/9/2005; Xếp loại: Tốt
3.	Điều tra thực trạng và đề xuất giải pháp giáo dục bảo vệ môi trường qua dạy học địa lý ở một số trường THPT khu vực Nam Trung Bộ và Tây nguyên theo định hướng phát triển bền vững.		B2007.28.09 Cấp Bộ	2007-2010	BB nghiệm thu ngày 29/11/2010; Xếp loại: Tốt
II	Sau khi được công nhận PGS/TS				
1.	DT: Cơ sở khoa học xây dựng tiêu chí tuyến, điểm du lịch (áp dụng trên địa bàn tỉnh Bình Định).	CN	T09.257.16 Cấp cơ sở	2010	BB nghiệm thu ngày 16/9/2010; Xếp loại: Khá
2.	DT: Nghiên cứu hình thái thời tiết gây mưa sinh lũ trên các lưu vực sông ở Bình Định		T2011.326.36 Cấp Cơ sở	2011	Ngày 01/06/2012; Xếp loại: Tốt
3.	DT: Ứng dụng hệ thống tin địa lí (GIS) nghiên cứu tài nguyên rừng và bảo tồn đa dạng sinh học ở vườn quốc gia Bidoup - Núi Bà tỉnh Lâm Đồng.	CN	T2012.351.22 Cấp cơ sở	2012-2013	BB nghiệm thu ngày 15/11/2013; Xếp loại: Tốt
4.	DT: Xây dựng WEBGIS du lịch phục vụ quảng bá phát triển du lịch tỉnh Phú Yên	TK	Cấp tỉnh	2015-2016	BB nghiệm thu ngày 11/01/2017; Xếp loại: Khá

5.	DT: Phát triển năng lực thiết kế và tổ chức các hoạt động giáo dục, hoạt động ngoại khóa Địa lí cho học sinh, sinh viên tại Quy Nhơn	CN	B2016-DQN-02 Cấp Bộ	2016-2018	BB nghiệm thu ngày 03/12/2019 Xếp loại: Đạt
6.	Xây dựng cơ sở dữ liệu hệ thống đề điều chỉnh Bình Định	TK	09.02.2016 Cấp tỉnh	2016-2018	Ngày 26/12/2018; Xếp loại: Tốt
7.	DT: Nghiên cứu thiết lập và đánh giá chỉ số tổn thương xã hội do biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh Bình Định		01.01.2017 Cấp tỉnh	2017-2018	BB nghiệm thu ngày 16/06/2020; Xếp loại: Xuất sắc
8.	DT: Nghiên cứu xây dựng mô hình tổ chức lãnh thổ liên vùng Tây Nguyên - Nam Trung Bộ theo lưu vực sông nhằm phát triển bền vững nông lâm nghiệp	CN	Cấp Nhà nước	2018-2021	BB nghiệm thu ngày 15/6/2021; Xếp loại: ĐẠT

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận PGS/TS							
1.	Tài nguyên sinh học vùng núi Lang Biang - Lâm Đồng và vấn đề bảo vệ.	01	Đứng đầu	Tạp chí Khoa học Trường ĐHSP Hà Nội. ISSN 0868-3719			số 5/2003; trang 69-74	2003
2.	Khai thác, sử dụng hợp lý tiềm năng du lịch khu du lịch Bà Nà - Núi Chúa (Đà Nẵng)	02		Tạp chí Khoa học Trường ĐHSP Hà Nội ISSN 0868-3719 http://stdb.hmue.edu.vn/portal/journals.php?articleid=1351			số 5/2006; tr 152-157.	2006
3.	Sự hình thành và ảnh hưởng của gió phơn Tây Nam ở Bắc Trung Bộ	02		Tạp chí Nghiên cứu và Phát triển ISSN: 1859-0152			Số 4 (63), trang 42-48	2007

4.	Nghiên cứu tài nguyên sinh - khí hậu thành phố Đà Lạt và phụ cận phục vụ mục đích du lịch.	01	Đứng đầu	Tạp chí khoa học Trường ĐHSP Hà Nội ISSN 0868-3719 http://stdb.hnue.edu.vn/portal/journals.php?articleid=957			Số 1/2007 E-V trang 139-145	2007
5.	Đánh giá tác động của khí hậu thành phố Đà Lạt và phụ cận đến du lịch tham quan	01	Đứng đầu	Tạp chí khoa học Trường Đại học Quy Nhơn ISSN: 1859-0357			Tập 2, số 4; trang 149-156	2008
6.	Ứng dụng hệ thống tin địa lí (GIS) đánh giá tài nguyên tự nhiên thành phố Đà Lạt phục vụ du lịch tham quan.	02	Đứng đầu	Tạp chí Khoa học Trường ĐHSP Hà Nội. ISSN 0868-3719 http://stdb.hnue.edu.vn/portal/journals.php?articleid=696			Tập 54; Số 7. Trang 141-149	2009
7.	Đánh giá tài nguyên tự nhiên của thành phố Đà Lạt phục vụ phát du lịch tham quan trên cơ sở ứng dụng hệ thống triển tin địa lí (GIS).	02	Đứng đầu	Hội thảo khoa học quốc tế Địa lý Đông Nam Á lần thứ 10 Hà Nội, tháng 11/2010. NXB Đại học Sư phạm ISBN: 978-604-54-5893-8			p 384-390.	2010
II	Sau khi được công nhận PGS/TS							
	Các bài báo đăng trên tạp chí quốc tế:							
8.	A Hybrid Approach Using GIS-Based Fuzzy AHP-TOPSIS Assessing Flood Hazards along the South-Central Coast of Vietnam	11	First Author	Applied Sciences (ISSN 2076-3417) https://doi.org/10.3390/app10207142	Sci (Q2) IF=2.679	Full-Text Views: 1666 Abstract Views: 1217 Citations: 7	Appl. Sci. 2020, 10(20), 7142	2020
9.	The creation of bioclimatic vegetation map to develop sustainable agro-forestry in Ba and Kone river basin, Vietnam	04	First Author and Corresponding Author	Ukrainian Geographical Journal ISSN 1561-4980 https://doi.org/10.15407/ugz2021.01.054	Scopus (Q3)		2021, n1, P 54-62	2021
10.	Influence of some climatic factors on tourism activities on Co To Island, Vietnam	07	Corresponding Author	IJAAS - International Journal of Advanced and Applied Sciences Publisher: Institute of Advanced Science	(Sci)		Volume 8, Issue 9 (September 2021),	2021

				Extension (IASE), Taiwan eISSN: 2313-3724 https://doi.org/10.21833/ijaas.2021.09.007			Pages: 50-57,	
11.	Flood Risk Mapping Based on AHP, Fuzzy and Geomatics Technology for Lai Giang Basin in South-Central Coastal Vietnam	04		Emerging Technologies and Applications for Green Infrastructure CIGOS 2021. ISSN: 2366-2557. DOI: 10.1007/978-981-16-7160-9_109	Scopus 0.11, H Index (7), Impact Factor (0.3)		Volume 203; pp 1075-1083	2022
12.	Application of HEC-HMS model and satellite precipitation products to restore runoff in Laigiang river basin in Vietnam	04		Indonesian Journal of Geography ISSN 2354-9114 (online) or ISSN 0024-9521 (print) https://doi.org/10.22146/ijg.66176	Scopus (Q3)		Vol 54, No 1 (2022)	2022
13.	Rapid detection of changes in the riverbanks of a transitional fluvial system: Laigiang river of the South Central Coast Vietnam. A methodology based on Digital Shoreline Analysis System and Sentinel-2	05		Disaster Advances ISSN 0974-262X E-ISSN: 2278-4543 https://doi.org/10.25303/1411da1324	Scopus (Q4)		Vol. 14 (11) pp 14-24	2021
14.	Consideration on the use Sentinel-1 radar image and GIS for flood mapping in the Lai Giang river basin of Binh Dinh province (Central Coast Vietnam)	04		Global Changes and Sustainable Development in Asian Emerging Market Economies Proceedings of EDESUS 2019. ISBN:978-3-030-81442-7 DOI: 10.1007/978-3-030-81443-4_32			Vol. 2. pp 517 - 527	2019
Các bài báo trong kỷ yếu Hội nghị, hội thảo quốc tế								
15.	Recognizes weather patterns causing heavy rain and flood of Kon river basin in Binh Dinh province, Viet Nam	03		Proceeding of the International conference on Earth Observation & natural hazards ICEO&NH 2019				2019

				NXB KHTN và Công nghệ. ISBN 978-604-913-923-9				
16.	Evaluating the impacts of flood to agricultural in Kon - Ha Thanh river basin area, Binh Dinh province base on Radar and GIS	04		International Association of Lowland Technology ISBN 9786048224837	Scopus		pp 130-137	2018
Các bài báo trong nước								
17.	Nghiên cứu khả năng ứng dụng UAV chỉ phí thấp trong đo đạc, thành lập bản đồ - thử nghiệm một số công trình trên địa bàn tỉnh Bình Định	03		Tạp chí Khí tượng Thủy văn 2022, EME 4; ISSN 2525-2208 DOI: 10.36335/VNIHM.2022(EME4).202-214			Trang 202-214	2022
18.	Ứng dụng thiết bị bay không người lái (UAV) và mô hình thủy lực HEC-RAS mô phỏng 3D vùng ngập lụt- Nghiên cứu diễn hình ở xã An Hòa, huyện An Lão, tỉnh Bình Định	04		Tạp chí khoa học Đo đạc và Bản đồ ISSN 2734-9292 https://doi.org/10.54491/jgac.2021.50			số 50-12/2021 Trang 57-64	2021
19.	Nghiên cứu biến đổi khí hậu vùng hạ lưu sông Côn tỉnh Bình Định và tác động của lũ lụt đến sản xuất nông nghiệp	06	Đứng đầu	Kỷ yếu Hội nghị khoa học Địa lý Toàn quốc lần thứ 12 năm 2021, Nxb Thanh Niên ISBN 978-604-334-789-0			Quyển 2, tr 1-12	2021
20.	Liên kết vùng của chuỗi giá trị hàng hóa nông lâm nghiệp lưu vực sông Ba, sông Côn	02	Đứng đầu	Tạp chí Khoa học ĐHQG Hà Nội. ISSN 2588-1108 https://doi.org/10.25073/2588-1108/vnueab.4421			Vol 37 No 1 2021	2021
21.	Nghiên cứu hoạt động của bão trên lưu vực sông Ba, sông Côn trong bối cảnh biến đổi khí hậu	03	Đứng đầu	Kỷ yếu Hội nghị khoa học Địa lý Toàn quốc lần thứ 12 năm 2021, Nxb Thanh Niên ISBN 978-604-334-789-0			Quyển 2, tr 62-74	2021

22.	Ứng dụng dữ liệu mưa CHIRPS và mô hình thủy văn HEC-HMS mô phỏng dòng chảy lũ ở lưu vực sông Lại Giang	04		HUAF (Tạp chí khoa học và Công nghệ Nông nghiệp ISSN 2588-1256 https://doi.org/10.46826/huaf-jasat.v5n1y2021.419			Vol. 5 N ^o 1. 2021 Trang 2252- 2261	2021
23.	Ứng dụng thiết bị bay không người lái (UAV) phục vụ giám sát các hệ sinh thái đới bờ biển: Nghiên cứu tại quần thể Hòn Yến tỉnh Phú Yên	06		Tuyển tập Báo cáo Hội thảo KH&CN toàn quốc “Nghiên cứu ứng dụng, phát triển hạ tầng dữ liệu không gian địa lý quốc gia: Vai trò của công nghệ đo đạc và bản đồ hiện đại” Nxb TN – MT và Bản đồ Việt Nam ISBN: 978-604-952-659-6			Trang 187-199	2021
24.	Xác lập cơ sở khoa học xây dựng mô hình liên kết theo chuỗi giá trị gỗ rừng trồng (nghiên cứu thí điểm tại huyện Vân Canh, tỉnh Bình Định)	02	Đứng đầu	Hội nghị Khoa học Trái đất - Mỏ - Môi trường bền vững (EME) lần III năm 2020 ISBN: 978-604-9985-67-6			Trang 312-323	2020
25.	Liên kết vùng của chuỗi giá trị hàng hóa nông lâm nghiệp (nghiên cứu điển hình trên lưu vực sông Ba, sông Côn)	06	Đứng đầu	Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc gia “Quản lý tài nguyên, môi trường và phát triển bền vững vùng Tây Bắc, Việt Nam” NXB KHTN và CN ISBN: 978-604-9955-92-1			Trang 293-303	2020
26.	Thiết lập và đánh giá chỉ số tổn thương xã hội do ngập lụt cho cấp xã trên địa bàn tỉnh Bình Định	04		Tạp chí Nghiên cứu Địa lý nhân văn ISSN 2350-0648			số 4 (27) 2019, tr 48 - 57	2019
27.	Vấn đề liên kết phát triển sản xuất mía đường theo chuỗi giá trị hàng hóa của thị xã An Khê, tỉnh Gia Lai	02	Đứng đầu	Kỷ yếu Hội nghị khoa học Địa lý toàn quốc lần thứ 11_Huế 2019_NXB Thanh Niên ISBN 978-604-9822-65-0			Trang 314-323	2019

28.	Ứng dụng ảnh vệ tinh đa thời gian phục vụ quản lý tài nguyên, môi trường và sản xuất nông lâm nghiệp lưu vực sông Ba, sông Côn	04	Đứng đầu	Kỷ yếu Hội nghị khoa học Địa lý toàn quốc lần thứ 11 Huế 2019_NXB Thanh Niên ISBN 978-604-9822-65-0			Trang 867 - 876	2019
29.	Đánh giá tác động biến động lớp phủ rừng đến dòng chảy lưu vực sông Côn, tỉnh Bình Định	03	Đứng đầu	Kỷ yếu Hội thảo khoa học Ứng dụng GIS toàn quốc 2019; NXB Nông nghiệp ISBN: 978-604-60-2482-8			tr 686-696.	2019
30.	Ứng dụng mô hình toán và GIS khôi phục số liệu dòng chảy lũ lịch sử năm 2009 lưu vực Hà Thanh, tỉnh Bình Định	02		Kỷ yếu Hội nghị khoa học Địa lý toàn quốc lần thứ 10 - Đà Nẵng 2018. NXB KHTN và CN. ISBN: 978-604-913-693-1			Trang 1341-1350	2018
31.	Nghiên cứu cơ sở địa lý phục vụ quản lý đất đai bền vững dải ven biển huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định	03	Đứng đầu	Kỷ yếu Hội nghị khoa học Địa lý toàn quốc lần thứ 10 - Đà Nẵng 2018. NXB KHTN và CN. ISBN: 978-604-913-693-1			Trang 98-110	2018
32.	Nghiên cứu đánh giá một số giá trị nổi bật của các dạng địa hình ven biển tỉnh Phú Yên cho phát triển du lịch	03		Kỷ yếu Hội nghị khoa học Địa lý toàn quốc lần thứ 10 - Đà Nẵng 2018. NXB KHTN và CN. ISBN: 978-604-913-693-1			Trang 546-557	2018
33.	Nghiên cứu thiết lập chỉ số tổn thương xã hội do lũ lụt đến hoạt động giáo dục trên địa bàn thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định	02	Đứng đầu	Tuyển tập báo cáo Hội nghị quốc gia về Khoa học Địa lý, NXB Thanh Niên ISBN: 978-604-9822-65-0			tr 423 – 434	2018
34.	Vấn đề liên kết phát triển sản xuất mía đường theo chuỗi giá trị hàng hóa của thị xã An Khê, tỉnh Gia Lai	02	Đứng đầu	Kỷ yếu Hội nghị khoa học Địa lý toàn quốc lần thứ 11 Huế 2019_NXB Thanh Niên ISBN 978-604-9822-65-0			Quyển 1, trang 314 - 324	2018

35.	Nghiên cứu ứng dụng hệ thống quan trắc mưa - dòng chảy - vết lũ góp phần cảnh báo lũ sớm lưu vực sông Kôn - Hà Thanh tỉnh Bình Định, Việt Nam	04	Đứng đầu	Kỷ yếu Hội nghị khoa học Ứng dụng GIS toàn quốc 2017 NXB KHTN và CN ISBN: 978-604-913-652-8			Trang 27-36	2017
36.	Mô phỏng nguy cơ lũ lụt phục vụ hỗ trợ công tác quản lý rủi ro thiên tai tại lưu vực sông Kôn - Hà Thanh, tỉnh Bình Định	03	Đứng đầu	Kỷ yếu Hội nghị khoa học Địa lý toàn quốc lần thứ 9, NXB KHTN và CN ISBN: 978-604-913-652-8			Quyển 1, tr 1046 - 1054	2016
37.	Xây dựng bản đồ cảnh báo nguy cơ lũ quét lưu vực sông Kôn - Hà Thanh, tỉnh Bình Định	03		Kỷ yếu Hội nghị khoa học Địa lý toàn quốc lần thứ 9, NXB KHTN và CN ISBN: 978-604-913-652-8			Quyển 1, tr 1189 - 1194	2016
38.	Ứng dụng công nghệ GNSS trong đo đạc, xây dựng hệ thống mặt cắt ngang phục vụ công tác quản lý và phòng chống thiên tai khu vực hạ lưu sông Lại Giang, tỉnh Bình Định	04		Kỷ yếu Hội nghị khoa học Địa lý toàn quốc lần thứ 9, NXB KHTN và CN ISBN: 978-604-913-652-8			Quyển 1, trang 1229-1237	2016
39.	Đánh giá tài nguyên địa chất - địa mạo dải ven biển Phú Yên phục vụ phát triển du lịch	03	Đứng đầu	Kỷ yếu Hội nghị khoa học Địa lý toàn quốc lần thứ 9, NXB KHTN và CN ISBN: 978-604-913-652-8			Quyển 2, tr 615 - tr 625	2016
40.	Cơ sở khoa học và thực tiễn về cực tăng trưởng kinh tế - luận giải về vai trò cực tăng trưởng phía nam của Bình Định đối với Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung	04		Kỷ yếu Hội nghị khoa học Địa lý toàn quốc lần thứ 9, NXB KHTN và CN ISBN: 978-604-913-652-8			Quyển 3, tr 648 - tr 659.	2016
41.	Địa lí học Việt Nam trong xây dựng, phát triển đất nước và Địa lí phổ thông trước yêu cầu hội nhập	03		Kỷ yếu Hội nghị khoa học Địa lý toàn quốc lần thứ 9, NXB KHTN và CN ISBN: 978-604-913-652-8			Quyển 3, tr 53 - tr 66.	2016

42.	Ứng dụng ArcGIS Online - StoryMap phục vụ quảng bá và phát triển du lịch tỉnh Phú Yên	03		Kỷ yếu Hội thảo khoa học GIS toàn quốc 2015. NXB Xây dựng ISBN: 978-604-82-1619-1			Trang 40-45	2015
43.	Nghiên cứu phát triển mô hình nuôi chim yến vùng duyên hải Đà Nẵng - Khánh Hòa	03	Đứng đầu	Tạp chí Khoa học ĐHQG Hà Nội - Các Khoa học Trái đất và Môi trường. ISSN 0866-8612.			Tập 31, số 1S (2015), tr137-147	2015
44.	Đánh giá các nhân tố gây lũ lịch sử tháng 11/2013 trên lưu vực sông Kôn tỉnh Bình Định	04	Đứng đầu	Kỷ yếu Hội Nghị khoa học Địa lí toàn quốc lần thứ 8. Nxb Đại học Sư phạm Tp. HCM ISBN: 978-604-918-437-6			trang 797-805	2014
45.	Nghiên cứu tác động của đô thị hóa đến biến động đất đai trên địa bàn thành phố Quy Nhơn - tỉnh Bình Định giai đoạn 2005 - 2013 với sự trợ giúp của địa tin học	03		Kỷ yếu khoa học Hội nghị GIS toàn quốc 2014 NXB Trường Đại học Cần Thơ ISBN: 978-604- 919249-4			trang 197 – 205.	2014
46.	Ứng dụng công nghệ địa tin học (GEOMATIC) góp phần phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến trận lũ lịch sử tháng 11/2013 trên lưu vực sông Kôn tỉnh Bình Định	04	Đứng đầu	Kỷ yếu khoa học Hội nghị GIS toàn quốc 2014 NXB Trường Đại học Cần Thơ ISBN: 978-604- 919249-4			Trang 290-300	2014
47.	Chim yến ở Nam Trung Bộ: đặc điểm phân bố và định hướng bảo tồn, phát triển.	04		Kỷ yếu Hội nghị Khoa học Địa lí toàn quốc lần thứ 7 (10/2013) Nxb KHTN và CN ISBN: 978-604-915-044-9			Trang 29-37	2013
48.	Biểu hiện và tác động của biến đổi khí hậu đối với hoạt động sản xuất và đời sống ở dải	02	Đứng đầu	Kỷ yếu Hội nghị Khoa học Địa lí toàn quốc lần thứ 7 (10/2013) Nxb KHTN và CN			Trang 529-539	2013

	ven biển tỉnh Bình Định.			ISBN: 978-604-915-044-9				
49.	Đánh giá giá trị địa chất - địa mạo gành Đá Đĩa (Phú Yên) phục vụ phát triển du lịch biển.	04	Đứng đầu	Kỷ yếu Hội nghị Khoa học Địa lí toàn quốc lần thứ 6 (9/2012). Huế Nxb KHTN và CN (Giấy phép xuất bản số: 1037-2012/CXB/02-22/KHTN&CN)			Trang 146-154	2012
50.	Ứng dụng hệ thống tin Địa lý (GIS) nghiên cứu đa dạng sinh học ở vườn quốc gia Bidoup - Núi Bà (Lâm Đồng) phục vụ phát triển du lịch sinh thái	01	Đứng đầu	Tạp chí khoa học Trường Đại học Quy Nhơn ISSN: 1859-0357			Số 4; Tập VI trang 139-153	2012

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín mà UV là tác giả chính sau TS: 03

- Số thứ tự: 08, chi tiết: **Huu Xuan Nguyen**, An Thinh Nguyen*, Anh Tu Ngo, Van Tho Phan, Trong Doi Nguyen, Van Thanh Do, Dinh Cham Dao, Dinh Tung Dang, Anh Tuan Nguyen, The Kien Nguyen, and Luc Hens; *A Hybrid Approach Using GIS-Based Fuzzy AHP-TOPSIS Assessing Flood Hazards along the South-Central Coast of Vietnam*. Applied Sciences (ISSN 2076-3417); 2020, 10(20), 7142; Sci (Q2); IF= 2.679; **First Author**).
- Số thứ tự: 09, chi tiết: **Nguyen Huu Xuan**, Nguyen Khanh Van, Hoang Thi Kieu Oanh, Vuong Van Vu (2021). *The creation of bioclimatic vegetation map to develop sustainable agro-forestry in Ba and Kone river basin, Vietnam*; Ukrainian Geographical Journal (SCOPUS - Q3); ISSN 1561-4980; 2021, n1, P 54-62; <https://doi.org/10.15407/ugz2021.01.054>, **First Author and Corresponding Author**).
- Số thứ tự: 10, chi tiết: Thu-Nhung Nguyen, **Huu-Xuan Nguyen***, Hoang-Hai Pham, Thu-Hoa Le, Thi-Hue Truong, Thi-Duong Lieu, Thu-Thuy Hoang Luu (2021). Influence of some climatic factors on tourism activities on Co To Island, Vietnam. *Accounting*, 6 (5), 763-772. (Sci, Q3), **Corresponding Author**).

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg)

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Thuộc danh mục tạp chí uy tín của ngành	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận PGS/TS						
1							
2							
...							

II	Sau khi được công nhận PGS/TS						
1							
2							
...							

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học uy tín của ngành mà UV là tác giả chính sau PGS/TS:

7.2. Bảng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/đồng tác giả	Số tác giả
1					
2					
...					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau PGS/TS:

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế (đối với ngành Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao)

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
1					
2					
...					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau PGS/TS:

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi chú
1	Chương trình đào tạo Cử nhân ngành: Quản lý tài nguyên và môi trường	Chủ trì	Quyết định số: 04/QĐ-XDCTĐT, ngày 01/11/2015 của Trường khoa Địa lí - Địa chính	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Quyết định số: 1307/QĐ-BGDDĐT, ngày 22/4/2016	

2	Chương trình đào tạo thạc sĩ ngành: Địa lý tự nhiên	Chủ trì	Quyết định số: 05/QĐ-XDCTĐT, ngày 01/11/2015 của Trường khoa Địa lí - Địa chính	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Quyết định số: 1707/QĐ-BGDĐT, ngày 20/5/2016	
3	Chương trình đào tạo thạc sĩ ngành: Khoa học dữ liệu ứng dụng	Tham gia	Quyết định số: 3212/QĐ-ĐHQN và QĐ số 3213/QĐ-ĐHQN ngày 26/11/2019 của HT trường ĐHQN	Trường Đại học Quy Nhơn	Quyết định số: 1340/QĐ-ĐHQN, ngày 27/7/2020	
4	Chương trình đào tạo thạc sĩ theo định hướng ứng dụng ngành: Địa lý tự nhiên	Tham gia	Quyết định số: 19/QĐ-XDCTĐT, ngày 18/3/2021 của Trường khoa Khoa học tự nhiên	Trường Đại học Quy Nhơn	Quyết định số: 3196/QĐ-ĐHQN, ngày 03/12/2021	

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*: **Không**

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (UV PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng):

- Giờ giảng dạy

+ Giờ chuẩn giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

+ Giờ chuẩn giảng dạy quy đổi không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH,CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

.....

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu:

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

.....

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:

.....

- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc được cấp bằng TS:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ; 04 ☐ CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách của NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định:

Chú ý: Đối với các chuyên ngành bí mật nhà nước thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự, các tiêu chuẩn không đủ về hướng dẫn, đề tài khoa học và công trình khoa học sẽ được bù bằng điểm từ các bài báo khoa học theo quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg.

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo:

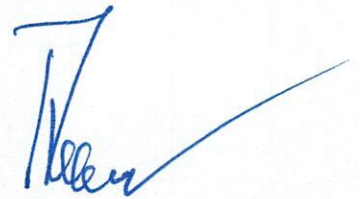
- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo:

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Bình Định, ngày 29 tháng 6 năm 2022

NGƯỜI ĐĂNG KÝ



Nguyễn Hữu Xuân